

Bản án số: 140/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Lộc

2. Bà Hồ Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phụng Kiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1B, xã P, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Ngô Minh Th, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 10/02/2020 chị Phạm Thị T trình bày:*

Chị T và anh Th tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 28/02/2013. Thời gian chung sống vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường hay cãi nhau làm phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống hôn nhân và ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Xét thấy không còn tình cảm vợ chồng nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Th.

Con chung: Có 01 người tên Ngô Huy T1, sinh ngày 29/4/2006 hiện nay cháu T1 do anh Th nuôi dạy. Khi ly hôn chị T tự nguyện giao cháu T1 cho anh Th tiếp tục nuôi dạy, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh Th, về hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T được ly hôn với anh Th, con chung giao cháu Ngô Huy T1, sinh ngày 29/4/2006 cho anh Th tiếp tục nuôi dạy, về cấp dưỡng nuôi con chung ghi nhận sự tự nguyện chị T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật, tài sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị xem xét. Án phí: Chị Tú phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Ngô Minh Th. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh Th có địa chỉ cư trú tại ấp 6, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ bị đơn là anh Th tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh Th không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị T và vắng mặt không có lý do. Chị T có đơn yêu cầu xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với chị T và anh Th theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh Th tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 28/02/2013. Quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Th đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết

hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Tại đơn khởi kiện chị T cho rằng thời gian chung sống giữa chị và anh Th xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc, hiện tại chị và anh Th đã sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Th. Xét thấy, đời sống chung giữa chị và anh Th không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã ly thân từ năm 2014 mà không có thiện chí đoàn tụ, cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có cơ sở, vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh Th là phù hợp.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống chị T và anh Th có 01 người con chung tên Ngô Huy T1, sinh ngày 29/4/2006. Xét thấy, anh Th đang nuôi dạy cháu T1 hơn nửa chị T tự nguyện giao cháu T1 cho anh Th nuôi dạy điều này là phù hợp với nguyện vọng của cháu T1, mặt khác, việc khoán đổi nuôi con chung sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu T1. Do đó, cần tiếp tục giao cháu T1 cho anh Th tiếp tục nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại đơn khởi kiện, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, xét thấy sự tự nguyện của chị T là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị T. Mức cấp dưỡng mỗi tháng là 745.000 đồng cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp, người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, thì hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[5] Về tài sản chung: Chị T xác định thời gian chung sống chị và anh Th không có tài sản chung và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị T xác định không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết, vấn đề này phù hợp với biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 25/3/2020. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Ngô Minh Th được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Ngô Huy T1, sinh ngày 29/4/2006 (giới tính: Nam) cho anh Ngô Minh Th tiếp tục nuôi dạy. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng với số tiền là 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị T không trực tiếp nuôi cháu T1 nhưng chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, trường hợp người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Vào ngày 15 tháng 02 năm 2020 chị T có dự nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004666 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nay được chuyển thu án phí và phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã P, Phước Long;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Khoa

